

Nhận thức và vận dụng quy luật và các mối quan hệ lớn sau gần 50 năm thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội

PGS, TS. VŨ VĂN HÀ

Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản; Email: vuha_dcsvn@yahoo.com.vn

Nhận ngày 15 tháng 11 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 12 năm 2023.

Tóm tắt: Nhận thức, vận dụng các quy luật và giải quyết các mối quan hệ trong thực tiễn phát triển là một quá trình, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện và cũng vì vậy kết quả trong vận dụng các quy luật, giải quyết các mối quan hệ cũng có những bước thành công và hạn chế gắn liền với nhận thức và các điều kiện lịch sử cụ thể. Bài viết này tập trung phân tích quá trình nhận thức và vận dụng quy luật và các mối quan hệ lớn sau gần 50 năm thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khoá: nhận thức, vận dụng quy luật, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Abstract: Perceiving, applying the laws, and resolving relationships in practical development is a process, ranging from incomplete to complete. Therefore, the results in applying these laws and addressing relationships also entail both successful steps and limitations associated with specific historical perceptions and conditions. This article focuses on analyzing the process of perception, application of laws, and major relationships after nearly 50 years of national reunification and the country's progression towards socialism.

Keywords: perception, application of laws, building socialism.

1. Về nhận thức các quy luật và các mối quan hệ

Thứ nhất, nhận thức các quy luật và các mối quan hệ là một quá trình liên tục, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, gắn với các điều kiện và yêu cầu phát triển. Nhận thức các quy luật và các mối quan hệ trong gần 50 năm thể hiện thành hai giai đoạn rõ rệt, giai đoạn những năm 1976 - 1986 và giai đoạn 1986 đến nay.

Bản thân các quy luật và các mối quan hệ luôn tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của con người. Thông qua hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lý luận con người có thể tiếp cận nhận thức các quy luật và các mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng. Tất nhiên, nhận thức là một quá trình, chính vì vậy nhận thức về

các quy luật và các mối quan hệ cũng tuân theo quy luật của nhận thức. Đối với con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) và xây dựng xã hội mới từ nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Nước Nga xô viết tiến lên chủ nghĩa tư bản (CNXH) từ nước mà ở đó CNTB có sự phát triển nhất định. Những quy luật vận động và các mối quan hệ phải xử lý trong quá trình xây dựng CNXH ở nước Nga là những tham chiếu, kinh nghiệm cho quá trình nhận thức các quy luật và các mối quan hệ trong quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam. Sẽ có những quy luật và các mối quan hệ mang tính phổ quát, song bản thân chúng sẽ có những biểu hiện đặc thù và có những điều kiện khác biệt

trong vận dụng. Thực tế quá trình nhận thức các quy luật và các mối quan hệ ở Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ nhận thức về vấn đề này trong các Đảng Cộng sản và công nhân ở các nước đi vào xây dựng CNXH trước Việt Nam, trong đó chủ yếu là nhận thức của Đảng Cộng sản Liên xô.

Với điều kiện của Việt Nam trong hoàn cảnh vừa bước ra khỏi chiến tranh chống Mỹ với biết bao khó khăn, yêu cầu phải nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, thúc đẩy phát triển sản xuất. Với mong muốn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến thẳng lên CNXH nhưng nguồn lực có hạn nên nhận thức về quy luật và các mối quan hệ chịu sức ép rất lớn từ khát vọng này, và vì vậy nhận thức quy luật và các mối quan hệ đương nhiên có những hạn chế, thiếu khách quan. Việc xác định các mối quan hệ trong giai đoạn này gắn liền với tư tưởng mong muốn về sự phát triển cân đối các lĩnh vực, các mặt trong chỉnh thể nền kinh tế vận hành theo kế hoạch hoá tập trung. Và chính những hạn chế này cũng đã được Đảng ta chỉ rõ: □ Những nguyên tắc cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nói chung chưa được nhận thức một cách sâu sắc⁽¹⁾.

Bước vào giai đoạn đổi mới, nhận thức các quy luật và các mối quan hệ có bước chuyển đổi mang tính cách mạng. Nhận thức của Đảng ngày càng rõ và hoàn thiện hơn về hệ thống các quy luật vận động và các mối quan hệ trong quá trình xây dựng xã hội mới. Tại Đại hội VII, Đảng nêu những kinh nghiệm bước đầu trong đổi mới, đề cập đến mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước⁽²⁾ □ Có thể nói, đây là những bước phát triển nhận thức rất quan trọng về các mối quan hệ, để tiến tới có sự khái quát rõ và ngày càng đầy đủ. Tiếp đó tại

Đại hội XI Đảng ta nêu 8 mối quan hệ. Đây là bước phát triển trong nhận thức về hệ thống các mối quan hệ cần quán triệt và thực thi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và đến Đại hội XIII, Đảng ta nêu hệ thống 10 mối quan hệ, thể hiện sự nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn các mối quan hệ trong lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính qua thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng CNXH, nhận thức của Đảng về quy luật và các mối quan hệ toàn diện hơn và sự khái quát vì vậy cũng đầy đủ và hoàn thiện hơn, góp phần vào sự hoàn thiện lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, tạo ra những động lực cho quá trình đổi mới và phát triển toàn diện đất nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, việc nhận thức các quy luật và các mối quan hệ không chỉ trên phương diện tổng thể, có tính hệ thống, mà nhận thức bản thân mỗi quy luật cũng có sự hoàn thiện hơn về nội dung cũng như vị trí biểu hiện. Chẳng hạn với quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển được Đảng ta nêu tại Đại hội XI và XII, nhưng đến Đại hội XIII với nhận thức mới về vai trò của các thành tố gắn liền quá trình đổi mới, Đại hội xác định rõ hơn thành quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; hay quan hệ giữa phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước nêu ra tại Đại hội VII, đến Đại hội XII nhận thức toàn diện và hợp lý hơn thành mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, tiếp đó đến Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, Đảng ta khái quát nêu thành mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội. Chẳng hạn trong mối quan hệ nhà nước, thị trường và xã hội, vai trò nhà nước trong mối quan hệ này thời kỳ đầu đổi mới được nhấn mạnh phải quản lý toàn diện các hoạt động của cả nền kinh tế, thậm chí với vai trò độc quyền, dần sau đó là giảm bớt sự can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh tế. Theo xu hướng này, đến Đại hội X đã khẳng định rõ hơn vai trò nhà nước phải tập trung vào các chức năng như: Nhà nước định hướng sự phát triển

bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường; Nhà nước tạo dựng môi trường pháp lý thuận lợi để khai thác và phát huy các nguồn lực cho phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; Nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật, giảm can thiệp hành chính. Đáng chú ý bước phát triển mới tại Đại hội XIII với việc đề cập đến tạo môi trường cho các tổ chức xã hội: "Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường"⁽³⁾. Đối với vai trò thị trường cũng được xác định ngày càng rõ, cụ thể thời kỳ đầu đổi mới, thị trường có vai trò rất hạn chế, đến Đại hội VII, thị trường được xem là có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Và đến Đại hội XII khẳng định "Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường"⁽⁴⁾. Tại Đại hội XIII tiếp tục cụ thể hơn khi khẳng định: "Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều

tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém"⁽⁵⁾.

Vai trò của thành tố xã hội chưa được đánh giá đúng mức, thường chỉ đề cập trong giới hạn chung vai trò của Mặt trận tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên, thực hiện giám sát, phản biện và tham gia quản lý kinh tế - xã hội. Hội nghị Trung ương 5 (khoá XII) lần đầu tiên nhắc đến thành tố xã hội trong quan hệ với nhà nước và thị trường, song lại chỉ nhấn mạnh đến vai trò thành tố này trong khu vực nhà nước. Đại hội XIII có bước phát triển mới khi khẳng định và mở rộng vai trò của các tổ chức xã hội nói chung: "Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật"⁽⁶⁾.

Như vậy, có thể thấy nhận thức về các mối quan hệ cũng như vai trò của các thành tố trong các mối quan hệ ngày càng rõ hơn. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giải quyết các mối quan hệ trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

Thứ ba, điều cần khẳng định chưa bao giờ Đảng ta phủ nhận sự tồn tại của các quy luật, những vấn đề có tính quy luật và các mối quan hệ trong tiến trình vận động của nền sản xuất xã hội. Trên thực tế, các quy luật, các vấn đề có tính quy luật cũng như các mối quan hệ nảy sinh giữa các chủ thể, các đối tượng, các quá trình đều trong những điều kiện xác định. Cũng như các quy luật của tự nhiên tồn tại trong môi trường, miền xác định. Điều đó lý giải sự không chấp nhận sự vận động của các quy luật trong nền kinh tế thị trường tư bản trong môi trường nền

kinh tế có kế hoạch xã hội chủ nghĩa. Và khi chúng ta chuyển sang nền kinh tế thị trường (xem là thành tựu của nhân loại) thì các quy luật của kinh tế thị trường đương nhiên được Đảng ta nhận thức và vận dụng, mà một trong những sáng tạo rất đáng chú ý, đó là quy luật của kinh tế thị trường luôn vận động, nhưng trong môi trường, điều kiện của đất nước định hướng đi lên CNXH thì nó không thể độc lập chi phối quá trình sản xuất, mà nó chịu sự tác động của các quy luật của một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Các quy luật đó cùng tổng hợp lực để đưa đến một xã hội với đặc trưng: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ tư, việc nhận thức và vận dụng các quy luật là hướng đến thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng, phát triển đất nước đi đôi với bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Nhận thức đúng, vận dụng phù hợp sẽ đưa lại thành công, việc nhận thức chưa phù hợp đương nhiên có tác động đến quá trình phát triển. Và với bản chất Đảng Mác - Lênin Đảng ta luôn chủ động tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kịp thời, chủ động đổi mới, nâng cao nhận thức, qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đáp ứng yêu cầu mới trong tiến trình phát triển.

Thứ năm, sự khái quát mười mối quan hệ lớn là sự phát triển lý luận trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới của Đảng ta. Hệ thống mười mối quan hệ lớn tạo thành một chỉnh thể tương đối đầy đủ, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng dẫn dắt hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH. Việc nhận thức, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả là yêu cầu của hoạt động thực tiễn, là một trong những điều kiện bảo đảm cho thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

2. Thực tiễn vận dụng các quy luật, giải quyết các mối quan hệ lớn

Thứ nhất, điều khẳng định là, việc vận dụng các quy luật, giải quyết các mối quan hệ lớn phụ thuộc trước hết vào nhận thức các quy luật, các

mối quan hệ. Giai đoạn những năm 1976 - 1986, do chưa nhận thức sâu sắc các quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN cùng với tư tưởng chủ quan, nóng vội nên trong thực tiễn vận dụng các quy luật và giải quyết các quan hệ chưa được hiệu quả, chẳng hạn việc xử lý mối quan hệ kinh tế và chính trị, biểu hiện tập trung ở quan hệ giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng chính trị không được hài hoà, vẫn bị ảnh hưởng bởi tư duy ưu tiên chính trị. Chính vì vậy, chính trị mang nặng tính quan liêu, cứng nhắc, cản trở sự phát triển của kinh tế. Hay trong giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cũng giải quyết chưa thực sự hợp lý. Đôi khi trong thực tiễn đã nhấn mạnh thái quá vai trò tích cực của quan hệ sản xuất, chủ trương thực hiện quan hệ sản xuất phải đi trước nhằm tạo điều kiện mở đường cho sự phát triển lực lượng sản xuất. Thậm chí tuyệt đối hoá vai trò của công hữu và kỳ thị, nóng vội xoá bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân một cách ồ ạt. Điều này dẫn đến lực lượng sản xuất bị kìm hãm, sản xuất đình đốn, trì trệ, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn.

Việc giải quyết các mối quan hệ khác, như quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, bảo đảm công bằng xã hội, quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, mặc dù đã có cố gắng nhằm bảo đảm ổn định hậu phương, huy động nguồn lực cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn này, mà chủ yếu là bảo đảm nhu cầu cho hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, tuy nhiên chưa xử lý thực sự tốt các mối quan hệ. Nguyên nhân ngoài việc gắn liền với nhận thức còn hạn chế, đó là nguồn lực cho phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc còn hạn hẹp, lại vận hành theo cơ chế tập trung quan liêu, nên việc khai thác và sử dụng thiếu hiệu quả. Kinh tế kém phát triển, văn hoá được đầu tư hạn hẹp bằng nguồn lực nhà nước, thiếu cơ chế huy

động các nguồn lực xã hội. Công bằng xã hội được thực hiện theo hình thức bình quân, cào bằng, hạn chế động lực sáng tạo. Sự phân công thiếu rõ ràng giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước quản lý. Đảng làm thay Nhà nước, Nhà nước bao biện, can thiệp trực tiếp các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Với chế độ tem phiếu và các phúc lợi được quy định bởi nhà nước nên người dân có tâm lý chờ đợi và cố gắng tìm việc trong khối nhà nước quản lý, làm cho biên chế tăng cao, năng suất lao động thấp. Có thể thấy việc vận dụng các quy luật, giải quyết các mối quan hệ trong giai đoạn 1976 - 1986 có những kết quả nhất định, song thiếu hiệu quả. Điều này được phản ánh bởi hiện thực tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 1976 - 1986.

Thứ hai, có thể thấy, bước vào giai đoạn đổi mới, nhận thức về các quy luật, các mối quan hệ của Đảng ta có bước phát triển quan trọng không chỉ ở sự thừa nhận sự tồn tại, mà còn nhận thức rõ hơn nội hàm của các quy luật, các mối quan hệ. Do vậy việc vận dụng các quy luật, xử lý các mối quan hệ cũng hợp lý hơn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới phát triển. Có thể đánh giá khái quát kết quả việc giải quyết các mối quan hệ lớn như sau:

Về quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển, có thể nhận thấy mối quan hệ này được quán triệt vận dụng và giải quyết một cách hài hoà trên bình diện chung quốc gia cũng như trong từng lĩnh vực, từng ngành. Quá trình đổi mới được triển khai trước hết trong lĩnh vực kinh tế, sau đó được thúc đẩy trong toàn xã hội đã đưa lại kết quả phát triển ấn tượng, đất nước ổn định, đời sống người dân được nâng lên, quốc phòng an ninh được bảo đảm.

Trong thực tiễn đã có sự gắn kết giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đổi mới kinh tế đặt yêu cầu với đổi mới chính trị và đổi mới chính trị lại thúc đẩy mở đường cho đổi mới, phát triển kinh tế. Đổi mới kinh tế và chính trị thể hiện rõ nét qua quá trình dân chủ hoá đời

sống kinh tế và đời sống chính trị đều được mở rộng. Sự gắn kết này là yêu cầu của thực tiễn phát triển và chính qua thực tiễn, quá trình phối hợp, gắn kết giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị ngày càng rõ ràng và chặt chẽ hơn. Và chính sự gắn bó giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị lại tạo cơ sở cho ổn định, đổi mới và phát triển trên bình diện quốc gia gần 40 năm vừa qua.

Quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa được xử lý ngày càng hợp lý và tự giác. Với sự thừa nhận kinh tế thị trường cũng là thừa nhận sự vận hành của các quy luật thị trường. Chúng ta đã ban hành các quy định phù hợp với chuẩn mực quốc tế cho sự vận hành của thị trường và cũng vì vậy, đã có 71 quốc gia và vùng lãnh thổ công nhận nền kinh tế của Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Các chủ thể kinh doanh đã chủ động, ngày càng minh bạch tuân thủ theo các quy định pháp luật, tuân thủ các quy luật thị trường và thực hiện trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà nước đã chủ động triển khai chủ trương phát triển kinh tế đi liền với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội thông qua ban hành các quy định và chính sách nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của thị trường, thực hiện các chế độ bảo hiểm và phúc lợi cho người dân. Thực tế thống kê đã cho thấy, trong những năm qua nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ được bạn bè trên thế giới đánh giá cao.

Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế những năm đổi mới thực tế ngày càng được xử lý phù hợp. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện trên sự phát triển nguồn nhân lực, hiện đại hoá cơ sở vật chất và khai thác ngày càng hiệu quả các nguồn lực là sự phát triển tương thích của quan hệ sản xuất trên cả 3 mặt: sở hữu; tổ chức, quản lý và phân

phối. Các hình thức sở hữu trong nền kinh tế được đa dạng hoá, nhiều hình thức, công nghệ quản lý mới được áp dụng, các quan hệ phân phối cũng đa dạng dựa trên sự đóng góp lao động, vốn, đất đai, tài nguyên. Chúng ta đã chấp nhận sự tồn tại đa dạng của các quan hệ sản xuất tương ứng với trình độ lực lượng sản xuất cũng rất đa dạng trong các lĩnh vực, khu vực nền kinh tế. Do vậy đã khai thác, khơi thông và phát huy được tốt các nguồn lực trong xã hội cho phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc.

Quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội đã từng bước được xử lý ngày càng hợp lý, phù hợp với quá trình đổi mới nhận thức, phù hợp với điều kiện của Việt Nam để bảo đảm sự ổn định và phát triển. Đây là mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, do vậy vai trò và tác động của các thành tố có những đặc điểm phổ quát chung và có những đặc điểm đặc thù gắn với tính chất định hướng XHCN và gắn với từng giai đoạn của sự phát triển nền kinh tế trường định hướng XHCN. Đây chính là sự sáng tạo trong nhận thức và cả trong giải quyết mối quan hệ này trong thực tiễn và minh chứng rõ nhất là nền kinh tế có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm đổi mới vừa qua.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường cũng đã được giải quyết ngày càng tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng. Thành quả của tăng trưởng đều được chia sẻ, đời sống của người dân được nâng lên, công bằng xã hội được bảo đảm, môi trường được chú ý bảo vệ trong quá trình tăng trưởng. Có thể thấy ý thức về tăng trưởng bền vững, tăng trưởng xanh đã và đang gắn liền trong ý thức của các chủ thể.

Trong mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN được nhận thức và triển khai chặt chẽ, gắn bó hơn. Các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế đều có tính đến

nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Các hoạt động bảo vệ Tổ quốc đều tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Trong giai đoạn đổi mới, do kinh tế có sự tăng trưởng mạnh, tạo điều kiện cho tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế đã được xử lý hài hoà qua đó đã mở rộng quan hệ đối ngoại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, gia tăng nội lực, tăng sự chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc. Việt Nam luôn chủ động trong chính sách đối ngoại, không chọn bên mà chọn chính nghĩa, sự công bằng, công lý và lẽ phải cũng như luôn chọn đối thoại, hợp tác để giải quyết các vấn đề.

Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ được thực hiện toàn diện hơn. Chức năng của từng chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể không chỉ được chế định rõ ràng trong Điều lệ Đảng, trong Hiến pháp và pháp luật, mà trong thực tế các chủ thể đã phát huy tốt chức năng của mình, năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng được nâng lên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước thể hiện ngày càng rõ, quyền làm chủ của người dân cũng được phát huy qua tham gia ý kiến trực tiếp cũng như thông qua các hội đoàn.

Đối với mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội được kết hợp giải quyết tốt trong thực tiễn. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội được mở rộng, trật tự pháp luật được bảo đảm, mọi chủ thể trong xã hội đều tôn trọng và tuân thủ luật pháp, các hiện tượng lợi dụng, vi phạm pháp luật đều bị nghiêm trị.

Tóm lại, các quy luật, các mối quan hệ lớn đã được quan tâm giải quyết hài hoà và toàn diện trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực tế việc giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lớn đã tạo ra bước chuyển biến trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Chúng ta đã giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tạo ra sự

ổn định về chính trị trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Người dân tin tưởng vào đường lối đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường.

3. Một số vấn đề đặt ra

Qua gần 50 năm thống nhất và 37 năm đổi mới đi lên CNXH, bên cạnh sự phát triển về lý luận và kết quả xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, công cuộc đổi mới tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng XHCN, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn. Cụ thể, *trước hết* là giữa nhận thức các quy luật, các mối quan hệ với mong muốn vận dụng, giải quyết hiệu quả, hài hoà các quy luật, các mối quan hệ. Thực tiễn đã chứng minh, muốn vận dụng các quy luật, giải quyết tốt các mối quan hệ trước hết đòi hỏi phải nhận diện rõ về chúng. Đã có thời gian chúng ta nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc nên trong thực tiễn, vận dụng các quy luật và giải quyết các quan hệ chưa được tốt, thậm chí còn đưa đến tình hình khó khăn, phức tạp, ảnh hưởng đến nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bước vào đổi mới, với sự đổi mới tư duy, nhận thức các quy luật, các mối quan hệ sát hợp hơn, song thực tế do chưa có thực tiễn trải nghiệm, nên nhận thức cũng còn những hạn chế, gây ra lúng túng triển khai trong thực tiễn. Chẳng hạn, trong quan hệ nhà nước, thị trường và xã hội nhận thức về nội dung quan hệ, vai trò, chức năng của từng thành tố trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN cần được tiếp tục nghiên cứu làm rõ. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền XHCN, nền kinh tế là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hoạt động trong môi trường xã hội dân chủ. Vậy quan hệ Nhà nước pháp quyền XHCN, kinh tế thị trường định hướng XHCN và nền dân chủ XHCN có những nét gì chung và

đặc điểm riêng biệt gì? Và cũng vì vậy chức năng của từng thành tố ra sao. Hơn nữa, bản thân nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đều đang trong quá trình vận động, phát triển hoàn thiện, nên các thành tố cũng sẽ được thay đổi ngay trong chính tiến trình phát triển của kinh tế thị trường. Ở mỗi trình độ phát triển khác nhau của lực lượng sản xuất, vai trò các thành tố cũng có những nét riêng. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp tương tác giữa các thành tố này ra sao nhằm tạo hợp lực cho quá trình phát triển trong mỗi giai đoạn cũng cần được làm rõ hơn. *Hai là*, vấn đề giữa yêu cầu giải quyết hài hoà các mối quan hệ với ý thức và năng lực trong triển khai thực tiễn, làm cho việc giải quyết đôi khi thiếu đồng bộ, thiếu toàn diện. Trình độ, năng lực tổ chức thực hiện, kể cả ý thức trong triển khai luôn là khâu yếu trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhìn chung trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ nhân lực trình độ cao vẫn còn nhiều bất cập trước yêu cầu phát triển. Nghị quyết 26 Trung ương 7 khóa XIII chỉ rõ: Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, yếu kém; nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Không ít cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chính những hạn chế trên làm cho việc thực thi, giải quyết các mối quan hệ chưa thực sự hiệu quả, thiếu đồng bộ. *Ba là*, vấn đề giữa yêu cầu giải quyết các mối quan hệ với nguồn lực và cơ chế chưa thực sự phù hợp. Thực tế trong quá trình giải quyết các mối quan hệ đôi khi chúng ta còn vướng không ít ở hệ thống cơ chế, quy định. Chẳng hạn, ngay trong giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN những năm qua vẫn còn nhiều bất cập; thể hiện rõ nhất ở chỗ: hệ thống luật pháp,

cơ chế, chính sách chưa thật đồng bộ và thống nhất; vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong các doanh nghiệp nhà nước chưa được giải quyết tốt, còn có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế (nhất là trong tiếp cận các nguồn tín dụng) □ Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: □Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập. Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế; chất lượng luật pháp, chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch⁽⁷⁾; □Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới⁽⁸⁾, nhất là vai trò dẫn dắt, điều tiết của Nhà nước đối với nền kinh tế còn nhiều hạn chế, chưa thực sự thể hiện rõ vai trò □trọng tài□ chưa thực sự là □công cụ quan trọng nhất□ để bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân. Việc xây dựng nền dân chủ XHCN cũng còn nhiều hạn chế, chưa phát huy rõ vai trò cơ sở, động lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, □vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật⁽⁹⁾. Hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất; tính công khai, minh bạch còn hạn chế, tính khả thi thấp. Do đó, có thể thấy việc đẩy mạnh hoàn thiện thể chế cùng với việc khai thác phân bổ nguồn lực hợp lý bảo đảm các yêu cầu phát triển hài hoà các lĩnh vực đang đặt ra cấp bách. *Bốn là*, yêu cầu giải quyết hài hoà, hiệu quả các mối quan hệ lớn với những thách thức khách quan nảy sinh như sự biến đổi môi trường, của dịch bệnh, biến đổi khí hậu □ Những thách thức này tác động đến việc vận dụng các quy luật, giải quyết các mối quan hệ rất khó đoán định, ảnh hưởng đến tiến trình đổi mới, gây sự bất ổn định, giảm sút tăng trưởng, tác động đến giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh quốc phòng, đến triển khai các hoạt động đối

ngoại □ Thực tiễn những năm vừa qua Đại dịch Covid tác động làm giảm tăng trưởng, đầu tư và thương mại; gián đoạn các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng; suy giảm tiêu dùng tác động lớn đến dịch vụ và du lịch. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu cũng rất lớn. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan trong đó bão lũ và hạn hán là thường xuyên và nguy hiểm nhất. Các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan gia tăng, không những gây ảnh hưởng và thiệt hại nhiều tới tài nguyên, kinh tế, phát triển xã hội, mà còn có thể ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó những biến động trên thế giới và khu vực cũng tác động không nhỏ đến quá trình đổi mới nói chung và giải quyết các mối quan hệ lớn nói riêng. Chính trong điều kiện môi trường biến đổi, nên sự vận động, tác động của các quy luật, các mối quan hệ cũng có những sự thay đổi. Do vậy yêu cầu đặt ra là cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết nhận thức rõ và đầy đủ hơn đối với các quy luật, các mối quan hệ trong điều kiện mới, để kịp thời xử lý, giải quyết bảo đảm tốt nhất cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

* Đây là sản phẩm của Đề tài cấp nhà nước: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc qua 50 năm thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội*, mã số KX.04.03/21-25.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.37, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.496.

(2) Xem thêm: Văn kiện Đảng toàn tập (2006), Nxb. CTQG, Hà Nội, T.45, tr. 262.

(3), (5), (6), (7), (8), (9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, T.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 274, 131, 131, 80, 89, 88.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội, tr.103.